

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ CỔ TRUYỀN Ở HẢI DƯƠNG

PHẠM HIỆP

Hải Dương là tỉnh trọng điểm của khu vực kinh tế năng động vùng Đông Bắc Việt Nam. Tính "năng động", tính "mở" và "hướng biển" đã thúc đẩy quá trình mở rộng giao lưu với bên ngoài theo nguồn mạch và mật độ dày đặc của các dòng sông. Từ xa xưa, đa số cư dân các làng ở Hải Dương đều có nghề phụ bên cạnh nghề nông. Làng nghề cổ truyền ở nông thôn tỉnh Hải Dương phát triển sớm và khá nổi tiếng trong cả nước. Thời phong kiến, nhiều thợ thủ công ở các làng nghề Hải Dương đã ra Hà Nội lập nghiệp, lập phường hội, mở cửa hàng cửa hiệu, hình thành nên những phố nghề, góp vào truyền thống văn hiến của 36 phố phường Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Qua thực tế cho thấy, hầu hết các làng nghề truyền thống ở Hải Dương có đời sống kinh tế ổn định và khá hơn những làng thuần nông. Các làng nghề truyền thống vẫn lấy nghề nông làm gốc, thủ công chỉ là nghề phụ, nhưng lại chiếm phần đáng kể trong tỷ trọng thu nhập của gia đình người lao động và giải quyết được nhiều vấn đề xã hội bức xúc ở nông thôn hiện nay. Điều đó chứng tỏ, nghề và làng nghề cổ truyền ở Hải Dương không chỉ có giá trị về mặt kinh tế, lịch sử và văn hoá trong quá khứ mà còn tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vì vậy, làng nghề cổ truyền ở Hải Dương cần được nghiên cứu sâu rộng để có những hiểu biết và có giải pháp bảo lưu, xây dựng và phát triển trong giai đoạn mới.

I. THỰC TRẠNG LÀNG NGHỀ Ở HẢI DƯƠNG

1. Đôi nét về tình hình các làng nghề

Qua tìm hiểu các làng nghề ở Hải Dương, điều dễ nhận thấy là các làng nghề ở đây có lúc phát triển rất rực rỡ, nhưng cũng có giai đoạn suy thoái, thậm chí có nghề bị thất truyền. Làng nghề Châu Khê (Bình Giang) chạm khắc vàng, bạc xuất hiện vào giữa thế kỷ XV, sau đó phát triển và mở rộng đã tụ hội về phố Hàng Bạc (Hà Nội) để xây dựng phố nghề tồn tại đến ngày nay. Làng nghề nhuộm Đan Loan ở Hải Dương trước đây rất phát triển, nhiều gia đình người thợ đã lên kinh đô Thăng Long làm nghề. Dấu ấn ghi lại điều này được biết qua di tích ngôi đền và bia ký ở số nhà 90A phố Hàng Đào. Còn những người thợ da giày ở Tam Lâm (Gia Lộc) chuyên đóng giày dép, đã phát triển và mở rộng, lập nên phố chợ Hàng Da, Hà Nội ngày nay...

Hiện nay ở Hải Dương còn 42 làng nghề truyền thống với 60 nghề đang hoạt động, và được phân loại như sau:

- Làng nghề sản xuất công cụ lao động phục vụ trực tiếp cho nông nghiệp (như sản xuất máy cơ khí nhỏ, sản xuất nông cụ...): có 2 làng, chiếm 5%.

- Làng nghề sản xuất sản phẩm tiêu dùng phục vụ sinh hoạt và trang trí như chạm khắc gỗ, đá, vàng bạc, đồ gốm, mây tre đan, dệt chiếu, thêu ren, làm lược, nón: 26 làng, chiếm 62%.

- Làng nghề cung cấp nguyên liệu cho ngành khác (như dệt vải, tơ lụa, xe chỉ, nhuộm...): 3 làng, chiếm 7% .

- Làng nghề chế biến thực phẩm (làm bánh, làm bún, nấu rượu, xay sát gạo...): 11 làng, chiếm 26%.

Qua điều tra mẫu 25 làng nghề ở 12 huyện, thành phố ở Hải Dương cho thấy:

- Tổng số hộ làm nghề là 10.497 hộ (chiếm 53,3%), trong đó số hộ chuyên nghề đã tách khỏi nông nghiệp là 3.798 hộ (19,2%); số lao động làm nghề - 21.001 người (55%), trong đó số lao động chuyên làm nghề là 10.682 người (28%). Tổng số vốn kinh doanh của các làng nghề là 26.536 triệu đồng, trong đó vốn lưu động là 11.274 triệu, vốn vay là 8.240 triệu (vay của ngân hàng là 3.770 triệu, bằng 45,7% tổng vốn vay). Tổng doanh thu của 25 làng nghề đạt 55.327 triệu. Nếu tính cả 42 làng nghề thì doanh thu đạt trên 90 tỉ đồng.

- Sản phẩm do các làng nghề sản xuất ra rất phong phú và đa dạng, từ hàng thông dụng đến các mặt hàng cao cấp. Các sản phẩm này gồm có: hơn 1,5 triệu sản phẩm đan lát, trên 200.000 sản phẩm thêu ren, 70.000 chiếc nón, 300.000 đôi chiếu các loại, 300.000 đôi giầy, hàng chục vạn sản phẩm đồ mộc, đồ sứ; chế biến trên 500 tấn bún, 250 tấn vải thiều khô, hàng chục vạn chiếc bánh gai, hàng trăm tấn bánh đậu xanh, 1,3 triệu lít rượu, xay sát trên 100.000 tấn gạo hàng hoá. Chỉ riêng huyện Bình Giang đã sản xuất trên 13.000 sản phẩm máy cơ khí nhỏ, 1.500 máy bơm nước, 1 triệu chiếc cày bừa...

2. Tác động tích cực của làng nghề

2.1. Tạo việc làm tại chỗ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

Điểm tích cực trước hết của các làng nghề là tạo công ăn việc làm cho người

dân ở khu vực nông thôn. Làng nghề đan lát An Nhân (Tứ Kỳ) có 809 lao động thì có 590 lao động làm nghề (chiếm 73%); làng nghề thêu ren Xuân Nẻo (Tứ Kỳ) có 2.305 lao động thì 695 lao động làm nghề (chiếm 30%); làng nghề dệt chiếu Tiên Kiều (Thanh Hà) có 1.092 lao động làm nghề trên tổng số 1.495 lao động, chiếm 73%; làng nghề nấu rượu Phú Lộc có 1.080 lao động làm nghề trên 1.640 tổng số lao động (chiếm 65,8%); làng nghề Đông Giao (Cẩm Giàng) có tới 1.700 lao động làm nghề trong tổng số 2.500 lao động (chiếm 75,6%)... Ở các làng nghề, tỷ lệ lao động làm nghề đều chiếm từ 30 đến 90% số người trong độ tuổi lao động.

Những nơi có làng nghề, cơ cấu kinh tế được chuyển dịch khá rõ theo hướng giá trị sản xuất nông nghiệp giảm dần, giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ tăng lên.

Năm 1998, xã Cẩm Điền (Cẩm Giàng) có tổng giá trị thu nhập là 23 tỉ thì thủ công nghiệp là 11,7 tỉ (50,8%), trong đó làng nghề đạt 7 tỉ (30%). Xã Cẩm Vũ (Cẩm Giàng) có tổng giá trị thu nhập là 25,9 tỷ thì thủ công nghiệp - dịch vụ là 11 tỉ (42,5%). Xã này có nghề nấu rượu nên chăn nuôi lợn khá phát triển, với giá trị chăn nuôi đạt 9,8 tỉ trong tổng số 14,9 tỉ giá trị sản xuất nông nghiệp. Xã Kiến Quốc (Ninh Giang) có giá trị sản xuất 21 tỉ thì thủ công nghiệp - dịch vụ đạt tới 10,5 tỉ đồng (50%)...

2.2. Góp phần nâng cao đời sống, tăng sức mua và xoá đói giảm nghèo

Thu nhập từ nghề thủ công trong các hộ gia đình khá cao. Bình quân mỗi lao động thu 2,97 triệu đồng/năm và thường chiếm trên 50% tổng thu nhập của gia đình. Mức thu nhập bình quân hàng tháng của lao động làm nghề đạt từ 200

đến 500 ngàn đồng, cao hơn nhiều so với lao động nông nghiệp.

Trong 42 làng nghề đang hoạt động, có 25 làng nghề dùng nguyên liệu từ nông nghiệp (như chế biến thực phẩm, đan lát, dệt chiếu...) nên quy mô nhỏ, đầu tư ít, mức lãi hàng năm của một hộ khoảng 10 triệu đồng; lao động chủ yếu vào lúc nông nhàn, thu nhập bình quân một ngày từ 7 đến 10 ngàn đồng (một tháng từ 200 đến 300 ngàn đồng). Riêng các nghề mộc, cơ khí có thu nhập cao hơn (từ 400 đến 500 ngàn đồng/người/tháng).

Khảo sát 50 hộ làm nghề thủ công năm 1998 cho kết quả: tổng thu nhập bình quân một hộ là 37 triệu đồng, trong đó thu nhập từ nghề - 27,4 triệu (chiếm 74%); và hộ có thu nhập thấp nhất cũng có doanh thu trên 2 triệu, hộ thu cao tới 200 triệu đồng. Trong 5 hộ làm nghề gốm khá nhất ở làng Cậy (Bình Giang), mỗi năm có 2 hộ thu nhập trên 200 triệu đồng, 2 hộ thu trên 100 triệu đồng và 1 hộ thu 40 triệu đồng. Tương tự, 5 hộ làm nghề mộc ở Đông Giao có 1 hộ thu 150 triệu đồng, 1 hộ thu 100 triệu, 3 hộ thu từ 10 đến 50 triệu đồng; 5 hộ làm nghề giấy da Tam Lâm, có 3 hộ thu từ 30 đến 50 triệu, 2 hộ thu từ 10 đến 20 triệu đồng. Các hộ có thu nhập cao thường có vốn đầu tư lớn, còn những người thợ hay người làm gia công thì thu nhập thấp hơn. Do thu nhập cao hơn làng thuần nông nên các làng nghề đã trở thành trung tâm tiêu thụ nhiều sản phẩm hàng hoá tiêu dùng, mở rộng thị trường ở nông thôn.

2.3. Thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn

Trước hết, sản xuất ở làng nghề là loại hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp trên địa bàn nông thôn gắn

với sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Để hoạt động có hiệu quả, các làng nghề phải không ngừng hoàn thiện tổ chức sản xuất một cách khoa học dựa trên sự phân công và hợp tác lao động phù hợp với từng loại hình nghề nghiệp, từ đơn giản đến phức tạp. Đồng thời trong quá trình hoạt động, một số làng nghề từng bước tự trang bị máy móc thiết bị hiện đại, thay thế dần lao động thủ công, với quy trình công nghệ mới. Ví dụ, làng gốm sứ Cậy đang chuyển từ lò đốt than sang lò đốt khí ga. Nghề mộc Cúc Bồ, Đông Giao đã dùng máy xẻ gỗ, bào; nghề giấy da Tam Lâm dùng máy may công nghiệp để khâu, đóng giấy... Đặc biệt, nghề sản xuất máy nông nghiệp ở Tráng Liệt (Bình Giang) đã dùng nhiều máy công cụ hiện đại như máy hàn, máy tiện, máy đột dập kim loại có giá trị lớn ...

2.4. Thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng và đô thị hoá nông thôn

Thu nhập từ làng nghề đã tạo nên nguồn vốn quan trọng để xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn. Từ hoạt động kinh doanh của làng nghề, từ yêu cầu giao lưu, đòi hỏi làng nghề phải có bộ mặt văn minh và hiện đại để thu hút khách hàng. Đến làng mộc Cúc Bồ (Ninh Giang), làng da giấy Tam Lâm hay làng rượu Phú Lộc (Cẩm Giàng) sẽ thấy đường làng ngõ xóm phong quang, nhà cửa kiên cố, kang trang. Khung cảnh làm nghề nhộn nhịp, tạo nên mô hình phố - làng, xoá dần ranh giới quá xa giữa nông thôn và thành thị.

Do các làng nghề được khôi phục và phát triển nên nhiều thuần phong mỹ tục ở địa phương được khơi dậy. Các hoạt động văn hóa truyền thống như lễ hội hay giỗ tổ nghề hằng năm được tổ chức trang trọng, tình làng nghĩa xóm đậm thắm hơn. Mọi người hăng hái giúp nhau làm giàu cho

gia đình và cho xã hội. Thông qua lao động, các làng nghề góp phần giáo dục cho lớp trẻ tình yêu quê hương, biết trân trọng những nghề độc đáo của ông cha và khuyến khích họ học tập đạt trình độ cao.

3. Ảnh hưởng của làng nghề đối với sự phát triển kinh tế - xã hội - văn hoá

3.1. Quy mô phát triển còn nhỏ, vốn đầu tư ít

Hoạt động của các làng nghề hầu hết đều mang tính chất tận dụng lao động nông nhân. Do sản xuất ngành nghề chưa đảm bảo cuộc sống vững chắc cho người thợ, cùng với tâm lý sợ rủi ro, khiến họ không dám cắt đứt hẳn sợi dây ràng buộc với sản xuất nông nghiệp để chuyên làm nghề thủ công. Qua khảo sát 25 làng nghề, chỉ có dưới 1% số hộ làm nghề không giữ ruộng để cày cấy. Làng gốm sứ Cậy (Bình Giang) với trên 70% số hộ làm nghề mà chỉ có 3% số hộ không canh tác lúa. Điều đó đã hạn chế khả năng chuyên môn hoá và mở rộng đầu tư, cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Ngoài một số làng nghề lớn - mỗi hộ có lượng vốn từ vài trăm triệu đến 1 tỉ đồng, hầu hết những hộ của các làng làm nghề như dệt chiếu, chế biến bún, bánh, đan lát, thêu ren... có số vốn rất nhỏ: chỉ từ vài trăm nghìn đến vài triệu đồng. Với quy mô nhỏ, vốn ít như vậy, các làng nghề thường hoạt động cầm chừng, lượng hàng hoá phân tán ở các hộ gia đình nên khó có khả năng cung cấp và tiêu thụ một khối lượng lớn sản phẩm, nhất là hàng hoá cho xuất khẩu hay loại hàng chiếm lĩnh thị trường.

3.2. Công nghệ còn lạc hậu, mẫu mã hàng hoá đơn điệu, chất lượng chưa cao, chưa phù hợp với thị hiếu tiêu dùng và sức cạnh tranh kém

Do nguồn vốn ít, cộng với thói quen làm ăn nhỏ, rất nhiều làng nghề vẫn bằng lòng với sản phẩm của mình làm ra, không tích cực cải tiến công nghệ, mẫu mã, nên giá bán thấp, lãi ít, giá trị ngày càng không cao.

Trong các làng nghề, phần lớn các nghệ nhân, thợ cả có trình độ học vấn, trình độ quản lý còn thấp. Họ xuất thân từ nông dân, học nghề theo gia truyền, không được đào tạo đến nơi đến chốn về văn hoá và kỹ thuật, vì vậy hạn chế rất nhiều năng lực sáng tạo và truyền dạy nghề.

3.3. Khó quản lý về sản xuất và thuế

Hoạt động của làng nghề ở Hải Dương cũng giống như làng nghề ở nơi khác thường gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Sự phát triển còn nặng tính tự phát, nên việc quản lý Nhà nước về ngành nghề chưa được chặt chẽ. Nhiều hộ kinh doanh không có đăng ký, trốn lậu thuế gây thất thu ngân sách Nhà nước... đã đặt ra cho xã hội nhiều vấn đề phải quan tâm. Hộ làm ăn khá thường khai thác doanh thu để trốn thuế. Năm 1998, 25 làng nghề ở Hải Dương chỉ nộp ngân sách được 231 triệu đồng, bằng 0,4% doanh thu.

3.4. Khó khăn về thị trường, vốn và hỗ trợ khác của Nhà nước

Tại các làng nghề hiện nay, có 83% số làng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường nội địa, với 70% doanh số hàng năm. Vì vậy, thị trường nội địa vẫn có vai trò quyết định chủ yếu đối với sự phát triển của các làng nghề Hải Dương. Hiện nay thị trường nội địa đang tồn tại mâu thuẫn lớn giữa nhu cầu có khả năng thanh toán (cầu hiện thực) tăng chậm hơn nhiều so với sản lượng thực tế (cung hiện thực) của các làng nghề. Khoảng cách cung và cầu ngày càng lớn là biểu hiện sự thu hẹp tương đối của thị trường.

Số sản phẩm hàng hoá làng nghề Hải Dương được xuất khẩu chỉ đạt 17%, nhưng giá trị xuất khẩu chiếm tới 30% tổng doanh số của cả tỉnh (29 tỉ đồng). Tuy vậy, đây hầu hết là xuất khẩu tiểu ngạch và xuất uỷ thác. Điều này cho thấy, các chủ nghề không thể tự mình lo việc xuất khẩu hàng hoá, vì họ ít có cơ hội tiếp cận thị trường nước ngoài.

Mặc dù quy mô còn bé nhỏ, sản xuất phân tán theo hộ gia đình là chủ yếu, nhưng nhiều làng nghề vẫn đang ở trong tình trạng thiếu vốn. Việc tiếp cận các nguồn vốn Nhà nước còn nhiều trở ngại, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường. Có thực tế là: trong khi vốn tín dụng Nhà nước dư thừa thì các hộ sản xuất kinh doanh vẫn phải vay vốn bên ngoài với lãi suất cao. Chế độ quản lý kiểm soát của các cơ quan nhà nước vừa lỏng lẻo quan liêu, vừa phiền hà, vừa gây thất thu vừa lạm thu. Nhà nước chưa có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ cho các làng nghề về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đào tạo cán bộ, tín dụng ưu đãi, miễn giảm thuế. Các tổ chức kinh tế Nhà nước chưa liên kết, liên doanh với các hộ làm nghề thủ công ...

II. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ

Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp - nông thôn được thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng và chủ trương của Nhà nước ta là *tạo dựng nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển, tăng trưởng bền vững với nhịp độ cao, trên cơ sở công nghệ, kỹ thuật hiện đại, cơ cấu hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống dân cư nông thôn, rút ngắn*

khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, xây dựng nông thôn mới.

Để đạt được mục tiêu trên, các địa phương của Hải Dương cần có những giải pháp chủ yếu sau đây đối với các làng nghề, nhất là làng nghề cổ truyền :

1. Tiếp thị, mở rộng thị trường, đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm của làng nghề

Thị trường tiêu thụ hàng thủ công truyền thống đang trở thành vấn đề bức xúc. Không mở rộng được thị trường thì mọi biện pháp thúc đẩy làng nghề phát triển đều không đạt được hiệu quả mong muốn. Quan sát các làng nghề ở Hải Dương cho thấy, vấn đề cấp thiết nhất chưa phải là vốn mà là "đầu ra" cho sản phẩm. Vì thế, thị trường là yếu tố quyết định tính khả thi của các dự án kinh tế, khai thông nguồn vốn đầu tư.

2. Nâng cao trình độ công nghệ, gắn công nghệ hiện đại với công nghệ truyền thống để nâng cao chất lượng hàng hoá, tăng năng suất lao động ; từng bước cơ giới hoá hợp lý các khâu, các công đoạn sản xuất thủ công

Dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, dù nhiều sản phẩm đã được chế tạo tinh xảo đến đâu cũng đòi hỏi sự kết hợp công nghệ truyền thống - thủ công với công nghệ hiện đại - cơ giới hoá; kết hợp sử dụng nguyên liệu tự nhiên, tại chỗ với nguyên liệu nhân tạo. Phải chăng đó là hướng đi mà các làng nghề cần tiếp cận để tạo ra các sản phẩm mới có thể thoả mãn tốt hơn nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Tỉnh Hải Dương hàng năm cần dành một phần kinh phí nghiên cứu khoa học cho các làng nghề thực hiện đề tài; dành

cho chương trình nghiên cứu phục vụ sản xuất, nhất là kinh phí chuyển giao công nghệ tiên tiến. Ngành tài chính và ngành thuế cần có quy định hợp pháp về chứng từ hoá đơn để giúp cho những hộ làm nghề nhập các thiết bị nước ngoài vào nước ta theo các dự án vay vốn tín dụng ưu đãi.

3. Tăng cường vai trò quản lý, tổ chức, hướng dẫn của Nhà nước với sự phát triển của làng nghề

Trước hết, tỉnh Hải Dương nên thành lập Trung tâm hỗ trợ tư vấn cho làng nghề với nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, liên doanh liên kết, thông tin kinh tế, đào tạo nghề... đáp ứng yêu cầu của các làng nghề.

Ở cấp độ vĩ mô, Nhà nước cần xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ giúp đỡ làng nghề như: chính sách về vốn; cho vay ưu đãi, đảm bảo chu kỳ sản xuất; giúp làng nghề huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài (của Chính phủ và các tổ chức phi Chính phủ); cải tiến thủ tục cho vay thuận tiện, đơn giản, kịp thời. Đặc biệt, cần có biện pháp cụ thể để giải ngân, khắc phục tình trạng thừa vốn trong Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm (ví dụ: năm 1998 thừa 9,7 tỷ ; 6 tháng đầu năm 1999 thừa 13 tỉ).

Nhà nước cần có chính sách ưu đãi về thuế và thủ tục đăng ký kinh doanh cần cụ thể hoá, hoàn thiện hơn nữa để kích thích làng nghề phát triển; có chính sách huy động vốn đóng góp để xây dựng kết cấu hạ tầng, xử lý ô nhiễm môi trường; có chính sách xuất, nhập khẩu ưu đãi với các cơ sở có hàng xuất khẩu; chính sách ưu đãi đối với nghề nhân có "bàn tay vàng" và chính sách thuế mướn lao động cụ thể và hợp lý; có chính sách đất đai cho các hộ làm nghề thuê, đấu thầu đất với giá ưu

đãi, quy hoạch đất cho khu sản xuất, tách khỏi nơi sinh sống của cư dân làng nghề.

4. Nâng cao vai trò của cơ sở trong quản lý làng nghề

Các tổ chức ở địa phương cần góp phần chống kinh doanh trái pháp luật, làm hàng giả, hàng nhái, chống thất thu ngân sách, đảm bảo môi trường sinh thái. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho làng nghề đăng ký thương hiệu hàng hoá, đảm bảo về thương hiệu trong nước và quốc tế.

5. Quy hoạch cụ thể về phát triển làng nghề

Các làng nghề truyền thống và làng nghề mới của tỉnh Hải Dương còn phát triển tự phát, chưa nằm trong quy hoạch tổng thể của tỉnh và các địa phương, vì thế chưa hỗ trợ nhau cùng phát triển; còn mạnh ai nấy làm, cạnh tranh thiếu lành mạnh; nhiều nghề và làng nghề còn quá manh mún. Để phát triển các làng nghề, tỉnh cần có quy hoạch chung và quy hoạch cụ thể cho từng địa phương đến năm 2010 và xa hơn nữa.

6. Thành lập Hội làng nghề Hải Dương để huy động nguồn lực, hỗ trợ cho sự phát triển làng nghề

Nghề cổ truyền chính là vốn quý, không chỉ thuần túy về phương diện kinh tế mà còn là biểu hiện của lịch sử và văn hoá của một địa phương, một quốc gia dân tộc. Gìn giữ, bảo lưu và phát triển các giá trị của di sản mà cha ông đã để lại vừa là trách nhiệm, vừa là ích lợi thiết thực trên con đường phát triển. Vì thế, tỉnh nên khuyến khích thành lập Hội làng nghề để có điều kiện bảo lưu các giá trị đó, đồng thời huy động nguồn lực, hỗ trợ cho sự phát triển.